

phải tiến hành thương lượng lễ ký kết thỏa ước lao động tập thể mới trong thời hạn 6 tháng, kể từ ngày sáp nhập.

#### Chương IV

### ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

**Điều 7.-** Nghị định này có hiệu lực thi hành từ ngày 1 tháng 1 năm 1995 và bãi bỏ những quy định trước đây về thỏa ước lao động tập thể.

Các thỏa ước lao động tập thể đã ký và đang thực hiện nếu có điều khoản trái với Bộ Luật Lao động và Nghị định này thì phải sửa đổi, trong thời hạn 6 tháng, kể từ ngày Nghị định này có hiệu lực thi hành. Những điều khoản cần phải sửa đổi hoặc bổ sung phải được thương lượng, ký kết và đăng ký lại theo thủ tục quy định tại Bộ Luật Lao động và Nghị định này.

**Điều 8.-** Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội phối hợp với Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam tổ chức làm thí điểm việc ký kết thỏa ước lao động tập thể ngành và trình Chính phủ quy định về thỏa ước lao động tập thể ngành.

**Điều 9.-** Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban Nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương chịu trách nhiệm thi hành Nghị định này.

T.M. Chính phủ

*Thủ tướng*

**VÕ VĂN KIỆT**

**NGHỊ ĐỊNH của Chính phủ số 28-CP ngày 29-4-1995 quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số Điều của Pháp lệnh Ưu đãi người hoạt động cách mạng, liệt sĩ và gia đình liệt sĩ, thương binh, bệnh binh, người hoạt động kháng chiến, người có công giúp đỡ cách mạng.**

### CHÍNH PHỦ

*Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 30 tháng 9 năm 1992;*

*Căn cứ Pháp lệnh Ưu đãi người hoạt động cách mạng, liệt sĩ và gia đình liệt sĩ, thương binh, bệnh binh, người hoạt động kháng chiến, người có công giúp đỡ cách mạng ngày 29 tháng 8 năm 1994;*

*Theo đề nghị của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội,*

### NGHỊ ĐỊNH:

#### Chương I

### NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

**Điều 1.-** Những người hưởng chế độ ưu đãi quy định tại Điều 1 của Pháp lệnh Ưu đãi người hoạt động cách mạng, liệt sĩ và gia đình liệt sĩ, thương binh, bệnh binh, người hoạt động kháng chiến, người có công giúp đỡ cách mạng được gọi tắt là người có công với cách mạng.

**Điều 2.-** Chế độ ưu đãi đối với người có công với cách mạng phải phù hợp với tình hình kinh tế - chính trị - xã hội của đất nước qua từng thời kỳ; phù hợp với pháp luật và chính sách chung của Nhà nước; với tính chất, đặc điểm của lực lượng vũ trang nhân dân; với đời sống của công chức Nhà nước và nhân dân; phù hợp với công lao và hoàn cảnh của người hưởng chế độ.

**Điều 3.-** Hàng năm, ngoài phần ngân sách đảm bảo cho việc thực hiện chế độ ưu đãi đối với người có công với cách mạng, Nhà nước còn dành một phần kinh phí trong quỹ quốc gia về giải quyết việc làm, về xóa đói giảm nghèo... để người có công với cách mạng vay, tạo việc làm, ổn định đời sống.

#### Điều 4.-

1. Đối với người đủ điều kiện được xác nhận hai đối tượng trở lên theo Điều 1 của Pháp lệnh thì được hưởng các chế độ trợ cấp, phụ cấp (nếu có) đối với từng đối tượng, nhưng về các chế độ ưu đãi khác thì chỉ hưởng chế độ cao hơn quy định tại Nghị định này.

2. Người có công với cách mạng quy định tại Điều 1 của Pháp lệnh đồng thời là người hưởng lương, hưởng chế độ bảo hiểm xã hội thì khi chết,

quỹ bảo hiểm xã hội đài thọ khoản tiền lễ tang, chôn cất và tiền tuất; trường hợp thân nhân hưởng tiền tuất theo chế độ bảo hiểm xã hội mà thấp hơn tiền tuất quy định tại Nghị định này thì chỉ hưởng tiền tuất cao hơn do ngân sách Nhà nước đài thọ.

3. Những bệnh binh, công nhân, viên chức nghỉ việc hưởng chế độ mất sức lao động nhưng lại là thương binh, người hưởng chính sách như thương binh hoặc những thương binh đã được xác định cả vết thương do tai nạn lao động từ trước ngày 1 tháng 1 năm 1995 thì tạm thời vẫn hưởng chế độ theo đối tượng đã được xác định trước ngày ban hành Nghị định này.

Điều 5.- Nghiêm cấm việc sử dụng các nguồn kinh phí dành để chăm sóc người có công với cách mạng vào mục đích khác.

## Chương II

### ĐỐI TƯỢNG, ĐIỀU KIỆN XÁC NHẬN NGƯỜI CÓ CÔNG VỚI CÁCH MẠNG VÀ CHẾ ĐỘ ƯU ĐÃI

#### Mục 1. ĐỐI VỚI NGƯỜI HOẠT ĐỘNG CÁCH MẠNG TRƯỚC CÁCH MẠNG THÁNG TÁM NĂM 1945

Điều 6.- Người hoạt động cách mạng trước Cách mạng tháng Tám năm 1945 quy định tại Điều 5 của Pháp lệnh do cơ quan, tổ chức có thẩm quyền ra quyết định công nhận được Nhà nước ưu đãi:

1. Trợ cấp hàng tháng mức 120.000 đồng (đối với cán bộ thoát ly và không thoát ly).

2. Ngoài trợ cấp hàng tháng trên đây:

a) Người hoạt động cách mạng thoát ly đang hưởng lương hoặc lương hưu, được phụ cấp hàng tháng tính theo thời gian hoạt động trước cách mạng, cứ mỗi năm được phụ cấp mức 30.000 đồng.

b) Người hoạt động cách mạng không thoát ly, không có lương hoặc lương hưu, nếu hoạt động cách mạng từ 1935 trở về trước thì được phụ cấp hàng tháng mức 200.000 đồng; nếu hoạt động cách mạng từ 1936 đến trước Cách mạng tháng Tám năm 1945 thì được phụ cấp hàng tháng mức 150.000 đồng.

3. Được cấp tiền để mua báo Nhân dân hàng ngày; được tổ chức sinh hoạt văn hóa, tinh thần phù hợp.

4. Khi người hoạt động cách mạng trước Cách mạng tháng Tám năm 1945 chết, người tổ chức mai táng được cấp khoản tiền lễ tang, chôn cất mức 960.000 đồng; cha mẹ đẻ, vợ (hoặc chồng), con đẻ bị tật nguyền bẩm sinh hoặc bị tàn tật nặng từ nhỏ, được hưởng tiền tuất hàng tháng mức 72.000 đồng/người, nếu sống cô đơn thì được hưởng trợ cấp nuôi dưỡng hàng tháng mức 240.000 đồng/người.

Chế độ tiền tuất hàng tháng và trợ cấp nuôi dưỡng hàng tháng quy định tại Điều này áp dụng cả đối với người đã được công nhận là cán bộ hoạt động cách mạng trước Cách mạng tháng Tám năm 1945 chết trước ngày 1 tháng 1 năm 1995.

Điều 7.- Người hoạt động cách mạng trước Cách mạng tháng Tám năm 1945 đã hưởng chế độ ưu đãi quy định tại Điều 5 của Pháp lệnh thì không hưởng ưu đãi theo Điều 6 của Pháp lệnh.

Điều 8.- Người đứng đầu tổ chức quần chúng cách mạng cấp xã quy định tại Điều 6 của Pháp lệnh là người đứng đầu các Hội cứu quốc (Công nhân cứu quốc, Nông dân cứu quốc, Thanh niên cứu quốc, Quân nhân cứu quốc, Phụ nữ cứu quốc, Nhi đồng cứu quốc) và các tổ chức trong Mặt trận Việt minh:

Điều 9.- Cơ sở để xét, quyết định công nhận người hoạt động cách mạng quy định tại Điều 6 của Pháp lệnh như sau:

1. Đối với cán bộ thoát ly được căn cứ lý lịch đã kê khai từ năm 1960 về trước. Nếu lý lịch khai năm 1960 mà cơ quan quản lý cán bộ trước khi nghỉ hưu để thất lạc, có xác nhận, thì được sử dụng lý lịch khai trong "Cuộc vận động bảo vệ Đảng" ngay sau đó (từ 1969 trở về trước). Trường hợp người hoạt động cách mạng liên tục ở các chiến trường B-C-K từ năm 1954 đến ngày 30 tháng 4 năm 1975 thì căn cứ vào lý lịch năm 1975 hoặc năm 1976.

2. Đối với cán bộ không thoát ly chỉ hoạt động ở cơ sở thì phải được chứng nhận của hai người cùng hoạt động đã được công nhận là cán bộ hoạt động cách mạng trước Cách mạng tháng Tám năm 1945 và phải được hội nghị cán bộ lão thành ở địa phương thừa nhận.

3. Cán bộ thoát ly và không thoát ly hoạt động cách mạng tại địa phương thuộc cấp ủy và chính quyền địa phương quản lý phải được Tỉnh ủy, Thành ủy xác nhận.

4. Cán bộ thoát ly thuộc Ban, Bộ, Ngành, đoàn thể Trung ương quản lý phải được Ban Đảng, Đảng đoàn, Ban cán sự Đảng của Bộ, Ngành, đoàn thể ở Trung ương xác nhận.

5. Căn cứ kết quả xác nhận của Tỉnh ủy, Thành ủy và các Ban Đảng, Đảng đoàn, Ban cán sự Đảng của Bộ, Ngành, đoàn thể ở Trung ương nói tại Khoản 3, 4 trên, Sở Lao động - Thương binh và Xã hội tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương nơi người hoạt động cách mạng đang cư trú trình Chủ tịch Ủy ban Nhân dân tỉnh, thành phố ra quyết định công nhận và hưởng chế độ ưu đãi. Riêng cán bộ thuộc Quân đội nhân dân, Công an nhân dân đang tại ngũ do Bộ Quốc phòng, Bộ Nội vụ xem xét và quyết định việc hưởng chế độ ưu đãi.

**Điều 10.** - Người hoạt động cách mạng quy định tại Điều 6 của Pháp lệnh được phụ cấp "tiền khởi nghĩa" hàng tháng mức 50.000 đồng (kể cả cán bộ thoát ly và không thoát ly, chỉ hoạt động ở xã, phường) và được hưởng từ ngày 1 tháng 1 năm 1995.

## MỤC II. ĐỐI VỚI LIỆT SĨ VÀ GIA ĐÌNH LIỆT SĨ

**Điều 11.** - Liệt sĩ quy định tại Điều 7 của Pháp lệnh là người đã hy sinh thuộc một trong các trường hợp sau đây:

1. Chiến đấu với địch hoặc trực tiếp phục vụ chiến đấu;
2. Trực tiếp đấu tranh chính trị, đấu tranh binh vận với địch;
3. Hoạt động cách mạng, hoạt động kháng chiến bị địch bắt, tra tấn không chịu khuất phục, kiên quyết đấu tranh, thực hiện chủ trương vượt tù, vượt ngục mà hy sinh;
4. Làm nghĩa vụ quốc tế;
5. Đấu tranh chống các loại tội phạm;
6. Dũng cảm làm những công việc cấp bách phục vụ quốc phòng và an ninh; dũng cảm cứu người, cứu tài sản của Nhà nước và nhân dân;
7. Chết do ốm đau, tai nạn khi đang làm nhiệm vụ phục vụ quốc phòng và an ninh ở những vùng đặc biệt khó khăn, gian khổ (nơi có phụ cấp lương đặc biệt mức 100%);
8. Thương binh hoặc người hưởng chính sách như thương binh bị chết do vết thương tái phát, được y tế cơ sở hoặc bệnh viện nơi điều trị xác

nhận và được chính quyền địa phương hoặc đơn vị quản lý nhận xét là xứng đáng.

### Điều 12. -

1. Đơn vị, cơ quan, chính quyền địa phương... nơi có người hy sinh có trách nhiệm tổ chức việc chôn cất, giữ gìn phần mộ, lập sơ đồ mộ chí, lập hồ sơ xác nhận liệt sĩ chuyển đến Sở Lao động - Thương binh và Xã hội tỉnh, thành phố nơi thân nhân của liệt sĩ cư trú.

Hồ sơ liệt sĩ gồm: giấy báo tử, biên bản xảy ra sự việc (đối với trường hợp người hy sinh vì làm những công việc cấp bách phục vụ quốc phòng, an ninh, những trường hợp thương binh chết do vết thương cũ tái phát, trường hợp người hy sinh vì chống tội phạm).

2. Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội hướng dẫn cụ thể nội dung hồ sơ và phối hợp với các Bộ, ngành liên quan quy định cấp có thẩm quyền ký giấy báo tử.

Trong trường hợp liệt sĩ còn di vật, tài sản riêng thì đơn vị, cơ quan, chính quyền địa phương nơi có người hy sinh phải lập biên bản, tổ chức bàn giao trực tiếp đến gia đình liệt sĩ.

### Điều 13. -

1. Sở Lao động - Thương binh và Xã hội căn cứ hồ sơ liệt sĩ, giúp Ủy ban Nhân dân tỉnh, thành phố hướng dẫn Ủy ban Nhân dân huyện, quận, thị xã phối hợp với các ngành, đoàn thể tổ chức lễ báo tử tại gia đình liệt sĩ, cùng gia đình lập tờ khai tình hình thân nhân liệt sĩ; ra quyết định cấp "Giấy chứng nhận gia đình liệt sĩ", thực hiện chế độ trợ cấp mà gia đình được hưởng; đồng thời gửi hồ sơ về Bộ Lao động - Thương Binh và Xã hội.

2. Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội giúp Chính phủ kiểm tra việc xác nhận liệt sĩ, trình Thủ tướng Chính phủ cấp "Bằng Tổ quốc ghi công" và tổ chức lưu giữ từng hồ sơ liệt sĩ.

### Điều 14. -

1. Chi phí lễ tang, chôn cất được ấn định mức 960.000 đồng.
2. Chi phí tổ chức lễ báo tử được ấn định mức 240.000 đồng/người.

**Điều 15.** - Giải quyết vấn đề mộ liệt sĩ hy sinh trong các thời kỳ kháng chiến và bảo vệ Tổ quốc:

1. Bộ Quốc phòng, Bộ Nội vụ có trách nhiệm chỉ đạo các đơn vị tìm kiếm, cất bốc các hài cốt liệt sĩ ở hải đảo, biên giới, miền núi thưa dân,

đồng thời thống nhất với cơ quan hữu trách của các nước bạn tổ chức tìm kiếm, cất bốc, di chuyển hài cốt liệt sĩ quân tình nguyện Việt Nam và bàn giao cho Ủy ban Nhân dân các tỉnh, thành phố theo hướng dẫn của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội và Bộ Quốc phòng.

2. Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội có trách nhiệm chỉ đạo, hướng dẫn các địa phương tìm kiếm, cất bốc hài cốt liệt sĩ ở các khu vực còn lại theo sơ đồ mộ chí của các đơn vị ban giao hoặc do nhân dân địa phương phát hiện và có sự xác nhận của đơn vị quân đội, công an hoặc chính quyền địa phương.

3. Ủy ban Nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương có trách nhiệm tổ chức tiếp nhận hài cốt liệt sĩ là người thuộc địa phương mình; xây dựng, nâng cấp, tu bổ, giữ gìn các phần mộ liệt sĩ, quản lý chu đáo danh sách và sơ đồ từng mộ liệt sĩ, tổ chức báo tin phần mộ liệt sĩ cho gia đình liệt sĩ.

4. Việc quy tập, cải táng hài cốt liệt sĩ mới tìm kiếm và phát hiện được thực hiện cụ thể như sau:

Ủy ban Nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương chỉ đạo Sở Lao động - Thương binh và Xã hội tổ chức cải táng mộ liệt sĩ là người địa phương vào các nghĩa trang liệt sĩ gần nơi gia đình cư trú; đối với những hài cốt liệt sĩ có ghi tên, quê quán thuộc các địa phương khác thì lập danh sách theo từng tỉnh, thành phố báo cáo về Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội, đồng thời thông báo cho Sở Lao động - Thương binh và Xã hội nơi quê quán của liệt sĩ và tổ chức đưa về bàn giao cho địa phương đó; những hài cốt liệt sĩ không xác định đầy đủ tên, quê quán thì cải táng vào nghĩa trang liệt sĩ của địa phương mình, nhưng ghi rõ địa danh chôn cất trước đây; những khu mộ liệt sĩ có danh sách chung nhưng không xác định cụ thể tên tuổi của từng bộ hài cốt thì cải táng vào nghĩa trang địa phương, bố trí thành từng khu, từng mộ, dựng bia chung ghi lại những yếu tố còn lưu được (tên, ngày, tháng, năm hy sinh, nơi hy sinh hoặc quê quán...).

5. Những mộ liệt sĩ do thân nhân liệt sĩ có nguyện vọng giữ lại bảo quản thì chính quyền cơ sở xem xét, lập danh sách để cơ quan Lao động - Thương binh và Xã hội giải quyết hỗ trợ tiền xây dựng mộ theo mức quy định của liên Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội - Tài chính.

6. Đối với khu mộ (hoặc mộ lẻ) do nhân dân phát hiện nhưng chưa xác định rõ là mộ liệt sĩ thì Ủy ban Nhân dân các cấp giao nhiệm vụ cho cơ quan Quản sự địa phương phối hợp với cơ quan

Lao động - Thương binh và Xã hội xác minh xử lý.

7. Những mộ liệt sĩ có tên, quê quán đã quy tập và xây cất trong các nghĩa trang liệt sĩ thì tạm thời chưa di chuyển. Chủ tịch Ủy ban Nhân dân các cấp có trách nhiệm chỉ đạo việc bảo quản chu đáo.

8. Ngân sách Trung ương bảo đảm chi cho các công việc khảo sát, tìm kiếm, thu thập, xử lý thông tin có liên quan tới việc tìm kiếm hài cốt liệt sĩ, cải táng, cất bốc, di chuyển, xây dựng, tu bổ, lập danh sách từng phần mộ liệt sĩ. Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội, Bộ Tài chính thông nhất hướng dẫn cụ thể mức chi cho từng công việc. Giao Bộ trưởng Bộ Quốc phòng, Bộ trưởng Bộ Nội vụ, Chủ tịch Ủy ban Nhân dân các tỉnh, thành phố quyết định mức chi cụ thể đối với từng trường hợp khi quy tập phải huy động lực lượng lớn, việc đi lại khó khăn, tốn kém, nơi dễ phát sinh yếu tố bệnh tật...

**Điều 16.** - Nghĩa trang liệt sĩ, đài tưởng niệm liệt sĩ, nhà bia ghi tên liệt sĩ là những công trình văn hóa, lịch sử.

1. Nghĩa trang liệt sĩ được đặt ở những nơi trang nghiêm, thuận tiện cho việc thăm viếng.

2. Đài tưởng niệm liệt sĩ được xây dựng ở trung tâm chính trị, văn hóa của cả nước, của từng địa phương hoặc ở những địa danh gắn với chiến tích lịch sử tiêu biểu.

3. Nhà bia ghi tên liệt sĩ (có danh sách từng liệt sĩ) được xây dựng ở xã, phường nguyên quán của liệt sĩ.

Ủy ban Nhân dân các cấp có trách nhiệm phân công người bảo quản các nghĩa trang, đài tưởng niệm, nhà bia ghi tên liệt sĩ.

4. Ngân sách Trung ương bảo đảm chi cho việc xây dựng, nâng cấp, tu bổ nghĩa trang, đài tưởng niệm gắn liền với các chiến tích lịch sử tiêu biểu (trận đánh lớn, căn cứ cách mạng, địa phương anh hùng...), nghĩa trang quân tình nguyện và những vùng liên quan đến an ninh, quốc phòng.

5. Ngân sách địa phương bảo đảm chi cho việc xây dựng, nâng cấp, tu bổ, giữ gìn các nghĩa trang liệt sĩ, đài tưởng niệm được phân công ngoài các nghĩa trang, đài tưởng niệm quy định ở Khoản 4 trên.

Ủy ban Nhân dân xã, phường sử dụng một phần quỹ đền ơn đáp nghĩa cho việc xây dựng nhà bia ghi tên liệt sĩ của xã, phường mình. Trường hợp nguồn quỹ chưa đảm bảo yêu cầu thì phối hợp với các đoàn thể quần chúng huy động

ư đóng góp của các tổ chức, cá nhân trong địa phương.

Những địa phương quá khó khăn, không có khả năng kinh phí để hoàn thành khối lượng công việc được phân công thì ngân sách Trung ương hỗ trợ một phần theo đề nghị của Chủ tịch Ủy ban Nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương.

**Điều 17.** - Thành lập Ban chỉ đạo công tác mộ liệt sĩ, nghĩa trang liệt sĩ ở Trung ương và ở những địa phương có khối lượng lớn về công tác này.

Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội là Trưởng Ban chỉ đạo, chủ trì phối hợp với Bộ Quốc phòng, Bộ Nội vụ, Ủy ban Kế hoạch Nhà nước, Bộ Tài chính và các ngành có liên quan xây dựng chương trình dài hạn và hàng năm về công tác mộ liệt sĩ, nghĩa trang liệt sĩ, đài tưởng niệm liệt sĩ, nhà bia ghi tên liệt sĩ trình Chính phủ phê duyệt và hướng dẫn chỉ đạo việc tổ chức thực hiện thống nhất trong cả nước.

**Điều 18.** -

1. Vợ (hoặc chồng), con, cha mẹ đẻ, người có công nuôi liệt sĩ (gọi chung là thân nhân liệt sĩ) có yêu cầu đi thăm viếng mộ liệt sĩ theo danh sách thông báo của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội nếu phải chi phí tốn kém mà hoàn cảnh quá khó khăn thì ngân sách địa phương nơi thân nhân cư trú hỗ trợ một phần.

Chủ tịch Ủy ban Nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương quy định mức hỗ trợ cụ thể.

2. Ngân sách Trung ương hỗ trợ một phần kinh phí cho các địa phương có nhu cầu lớn về đón tiếp thân nhân liệt sĩ đi viếng mộ liệt sĩ.

Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội và Bộ Tài chính quy định mức hỗ trợ đối với từng tỉnh, thành phố theo kế hoạch hàng năm.

Cơ quan Lao động - Thương binh và Xã hội phối hợp với cơ quan Quân sự địa phương giúp Ủy ban Nhân dân lập kế hoạch, hướng dẫn về thủ tục đi viếng mộ liệt sĩ của thân nhân, hỗ trợ kinh phí (nếu có) và đón tiếp thân nhân liệt sĩ từ địa phương khác đến.

**Điều 19.** - Gia đình liệt sĩ gồm những thân nhân của liệt sĩ quy định tại Điều 9 của Pháp lệnh, được cấp "Giấy chứng nhận gia đình liệt sĩ" và hưởng chế độ ưu đãi là:

1. Vợ (hoặc chồng) liệt sĩ là người kết hôn hợp pháp hoặc thực tế là vợ hoặc chồng liệt sĩ, được nhân dân, cơ quan có thẩm quyền thừa nhận.

Trường hợp vợ hoặc chồng liệt sĩ lấy chồng hoặc lấy vợ khác nhưng ở vào một trong hai hoàn cảnh sau đây nếu được gia đình liệt sĩ thừa nhận và Ủy ban Nhân dân xã, phường công nhận thì cũng được giải quyết hưởng chế độ ưu đãi:

- Vợ hoặc chồng liệt sĩ lấy chồng hoặc lấy vợ khác nhưng vẫn nuôi con liệt sĩ đến tuổi trưởng thành hoặc vẫn phụng dưỡng bố mẹ liệt sĩ.

- Vợ hoặc chồng liệt sĩ lấy chồng hoặc lấy vợ khác nhưng nay sống độc thân do người chồng (hoặc vợ) sau đã chết.

2. Con liệt sĩ gồm con đẻ, con nuôi hợp pháp và con ngoài giá thú được pháp luật công nhận, con đẻ mà khi người chồng chết người vợ đang mang thai.

3. Cha mẹ đẻ của liệt sĩ.

4. Người có công nuôi liệt sĩ là người đã thật sự nuôi dưỡng liệt sĩ từ nhỏ, đối xử với liệt sĩ như con đẻ, thời gian nuôi từ 10 năm trở lên khi liệt sĩ còn dưới 16 tuổi. Trường hợp nuôi liệt sĩ ở thời kỳ sơ sinh hoặc đang bị tai họa lớn mà đã nuôi liệt sĩ từ 5 năm trở lên khi còn dưới 16 tuổi cũng được xác nhận là người có công nuôi liệt sĩ.

**Điều 20.** - Thân nhân liệt sĩ quy định tại Điều 19 của Nghị định này được hưởng tiền tuất như sau:

1. Được hưởng tiền tuất lần đầu mức 3.000.000 đồng khi báo tử.

2. Vợ (hoặc chồng), cha mẹ đẻ, người có công nuôi liệt sĩ, khi đến tuổi 55 đối với nam, 50 đối với nữ hoặc chưa đến tuổi đó nhưng mất sức lao động từ 61% trở lên; con liệt sĩ từ 16 tuổi trở xuống; con liệt sĩ trên 16 tuổi nếu còn tiếp tục học phổ thông, học nghề, trung học chuyên nghiệp, cao đẳng, đại học, bị tật nguyên bẩm sinh, bị tàn tật nặng từ nhỏ được hưởng tiền tuất hàng tháng mức 72.000 đồng/người.

3. Vợ (hoặc chồng), cha mẹ đẻ, người có công nuôi liệt sĩ sống cô đơn không nơi nương tựa; cha mẹ có con độc nhất là liệt sĩ hoặc có 2 con mà cả 2 con là liệt sĩ; hoặc có 3 con là liệt sĩ trở lên đến tuổi 55 đối với nam, 50 đối với nữ hoặc chưa đến tuổi đó nhưng mất sức lao động từ 61% trở lên; con liệt sĩ từ 16 tuổi trở xuống; con liệt sĩ trên 16 tuổi nếu còn tiếp tục học phổ thông, học nghề, trung học chuyên nghiệp, cao đẳng, đại học, bị tật nguyên bẩm sinh, bị tàn tật nặng từ nhỏ mà mồ

côi cả cha mẹ, được hưởng trợ cấp nuôi dưỡng hàng tháng mức 240.000 đồng/người.

**Điều 21.** - Thân nhân liệt sĩ quy định tại Điều 20, Khoản 3 Nghị định này chết, người tổ chức mai táng được cấp tiền lễ tang, chôn cất mức 960.000 đồng.

**Điều 22.** - Liệt sĩ không còn thân nhân quy định tại Điều 19 Nghị định này thì một trong những người thân khác của liệt sĩ đang đảm nhiệm việc thờ cúng liệt sĩ được hưởng trợ cấp một lần mức 600.000 đồng.

**Điều 23.** - Người hy sinh từ ngày 31 tháng 12 năm 1994 trở về trước nếu do một trong những lý do quy định tại Điều 11 của Nghị định này mà chưa được xác nhận là liệt sĩ thì Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội phối hợp với các Bộ, ngành liên quan hướng dẫn thống nhất về hồ sơ, thủ tục xác nhận, thời gian thân nhân hưởng tiền tuất và giải quyết khoản truy linh (nếu có), được chi phí tổ chức lễ báo tử mức 240.000 đồng/mỗi trường hợp.

### **Mục III. ĐỐI VỚI ANH HÙNG LỰC LƯỢNG VŨ TRANG NHÂN DÂN. BÀ MẸ VIỆT NAM ANH HÙNG, ANH HÙNG LAO ĐỘNG**

**Điều 24.**

1. Anh hùng Lực lượng vũ trang nhân dân, Bà mẹ Việt Nam anh hùng, Anh hùng Lao động quy định tại Điều 10 của Pháp lệnh (kể cả cán bộ thoát ly và không thoát ly) được hưởng phụ cấp ưu đãi hàng tháng mức 72.000 đồng/người.

2. Ngoài phụ cấp ưu đãi hàng tháng quy định tại Khoản 1 trên, Bà mẹ Việt Nam anh hùng được hưởng trợ cấp nuôi dưỡng hàng tháng mức 240.000 đồng/người (như quy định tại Điều 20, Khoản 3 của Nghị định này). Riêng đối với Bà mẹ Việt Nam anh hùng sống cô đơn không nơi nương tựa còn được hưởng thêm một khoản trợ cấp hàng tháng mức 48.000 đồng/người.

3. Anh hùng Lực lượng vũ trang nhân dân, Anh hùng Lao động từ trần trước ngày 1 tháng 1 năm 1995 thì thân nhân (vợ hoặc chồng, cha mẹ đẻ, con) được trợ cấp một lần mức 3.000.000 đồng.

4. Thân nhân đang đảm nhiệm việc thờ cúng người được truy tặng danh hiệu Anh hùng Lực lượng vũ trang thì được trợ cấp một lần bằng 3.000.000 đồng.

5. Khi Anh hùng Lực lượng vũ trang, Bà mẹ Việt Nam anh hùng, Anh hùng Lao động chết thì người tổ chức mai táng được cấp tiền lễ tang, chôn cất mức 960.000 đồng.

### **Mục IV. ĐỐI VỚI THƯƠNG BINH, BỆNH BINH, NGƯỜI HƯỞNG CHÍNH SÁCH NHƯ THƯƠNG BINH**

#### **A. Đối với thương binh, người hưởng chính sách như thương binh**

**Điều 25.** - Thương binh, người hưởng chính sách như thương binh quy định tại Điều 12 của Pháp lệnh là người đã bị thương một trong các trường hợp sau đây:

1. Chiến đấu với địch hoặc trong khi trực tiếp phục vụ chiến đấu;
2. Do địch tra tấn kiên quyết đấu tranh, không chịu khuất phục, để lại thương tích thực thể;
3. Đấu tranh chống các loại tội phạm;
4. Dũng cảm làm những công việc cấp bách phục vụ quốc phòng và an ninh; dũng cảm cứu người, cứu tài sản của Nhà nước và nhân dân;
5. Làm nhiệm vụ quốc phòng và an ninh ở những vùng đặc biệt khó khăn, gian khổ (nơi có phụ cấp lương đặc biệt mức 100%);
- C. Làm nghĩa vụ quốc tế.

Những trường hợp bị thương trong khi học tập, tham quan, du lịch, đi an dưỡng, chữa bệnh, thăm viếng hữu nghị, làm việc theo hợp đồng kinh tế, khoa học, kỹ thuật, văn hóa, giao dịch... hoặc lao động theo các chương trình hợp tác về lao động với các nước... thì không thuộc phạm vi điều chỉnh của Nghị định này.

**Điều 26.**

1. Người bị thương sau khi điều trị lành vết thương, được giám định y khoa để kết luận tình trạng mất sức lao động do thương tật gây nên; người bị thương mất sức lao động do thương tật từ 21% trở lên được lập hồ sơ xác nhận là thương binh hoặc người hưởng chính sách như thương binh.

2. Hồ sơ thương tật gồm: Giấy chứng nhận bị thương; biên bản giám định y khoa; biên bản xây ra sự việc (đối với trường hợp người bị thương vì làm những công việc cấp bách phục vụ quốc phòng, an ninh và trường hợp người bị thương vì chống tội phạm).

Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội hướng dẫn cụ thể nội dung hồ sơ và phối hợp với các Bộ, ngành liên quan quy định cấp có thẩm quyền ký giấy chứng nhận bị thương; hướng dẫn việc tổ chức lưu giữ hồ sơ thương binh, người hưởng chính sách như thương binh.

**Điều 27.-**

1. Bộ Quốc phòng, Bộ Nội vụ, Ủy ban Nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương căn cứ chức năng, nhiệm vụ được giao quy định cấp có thẩm quyền trong quân đội, công an nhân dân, Sở Lao động - Thương binh và Xã hội xem xét, ra quyết định cấp "Giấy chứng nhận thương binh" hoặc "Giấy chứng nhận người hưởng chính sách như thương binh", tặng "Huy hiệu thương binh" và quyết định thực hiện chế độ trợ cấp theo quy định.

2. Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội hướng dẫn, kiểm tra việc xác nhận thương binh, người hưởng chính sách như thương binh.

**Điều 28.-** Bộ Y tế phối hợp với Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội, Bộ Quốc phòng, Bộ Nội vụ nghiên cứu ban hành, sửa đổi, bổ sung tiêu chuẩn thương tật, bệnh tật; xây dựng quy chế tổ chức, chức năng, nhiệm vụ của Hội đồng Giám định y khoa các cấp, các ngành, chỉ đạo việc giám định mức độ mất sức lao động do thương tật phù hợp với điều kiện lao động và sinh hoạt của thương binh.

**Điều 29.-**

1. Thương binh, người hưởng chính sách như thương binh được hưởng trợ cấp thương tật từ ngày Hội đồng Giám định y khoa có thẩm quyền kết luận tỷ lệ mất sức lao động do thương tật.

2. Trợ cấp thương tật được tính theo mức độ mất sức lao động của từng người và tính trên mức lương quy định là 312.000 đồng.

3. Thương binh, người hưởng chính sách như thương binh mất 21% sức lao động do thương tật được trợ cấp hàng tháng bằng 21% mức lương quy định, sau đó cứ mất 1% sức lao động do thương tật được trợ cấp thêm 1% mức lương quy định.

**Điều 30.-** Người bị thương từ ngày 31 tháng 12 năm 1994 trở về trước được xác nhận là thương binh, người hưởng chính sách như thương binh thì giải quyết như sau:

1. Những quân nhân, dân quân, du kích, thanh niên xung phong bị thương trong kháng chiến mà

không kết luận tỷ lệ mất sức lao động do thương tật và đã được chuyển xếp vào 1 hạng thương binh theo quy định tại Nghị định số 236-HĐBT ngày 18-9-1985 của Hội đồng Bộ trưởng (nay là Chính phủ), nay thống nhất tính trợ cấp thương tật theo tỷ lệ mất sức lao động cụ thể như sau:

- Hạng 5/6 cũ (hạng 4/4) = tỷ lệ mất sức lao động 21%

- Hạng 4/6 cũ (hạng 4/4) = tỷ lệ mất sức lao động 31%

- Hạng 3/6 cũ (hạng 3/4) = tỷ lệ mất sức lao động 51%

- Hạng 2/6 cũ (hạng 2/4) = tỷ lệ mất sức lao động 71%

- Hạng 1/6 cũ (hạng 1/4) = tỷ lệ mất sức lao động 81%

- Hạng đặc biệt cũ (hạng 1/4) = tỷ lệ mất sức lao động 91%.

2. Thương binh, người hưởng chính sách như thương binh đã được kết luận tỷ lệ mất sức lao động do thương tật thì căn cứ tỷ lệ thương tật xác định trong biên bản giám định y khoa lưu tại hồ sơ chuyển sang hưởng trợ cấp hàng tháng theo như quy định tại Điều 29 trên.

3. Trường hợp khi bị thương có mức lương cao hơn mức lương quy định (312.000 đồng) thì ngoài trợ cấp hàng tháng quy định tại Điều 29 của Nghị định này được trợ cấp thêm một lần một khoản tiền từ 1 đến 4 tháng lương khi bị thương tùy theo mức độ mất sức lao động như sau:

Mức độ mất sức lao động	Mức trợ cấp một lần
- Từ 21% đến 40% sức lao động	- 1 tháng lương khi bị thương
- Từ 41% đến 60% sức lao động	- 2 tháng lương khi bị thương
- Từ 61% đến 80% sức lao động	- 3 tháng lương khi bị thương
- Từ 81% đến 100% sức lao động	- 4 tháng lương khi bị thương

**Điều 31.-** Người bị thương, mất sức lao động do thương tật từ 5% đến 20% được trợ cấp một lần như sau:

Mức độ mất sức lao động	Mức trợ cấp một lần
- Từ 5% đến 10% sức lao động	- 1 tháng lương khi bị thương
- Từ 11% đến 15% sức lao động	- 2 tháng lương khi bị thương
- Từ 16% đến 20% sức lao động	- 3 tháng lương khi bị thương

Người khi bị thương không thuộc diện hưởng lương hoặc có mức lương khi bị thương thấp hơn mức lương quy định tại Điều 29, Khoản 2 của Nghị định này thì khoản trợ cấp một lần tính theo mức lương quy định là 312.000 đồng.

**Điều 32.-** Người bị thương đã được Hội đồng Giám định y khoa kết luận tỷ lệ mất sức lao động

do thương tật, nếu sau 2 năm vết thương tái phát thì sau khi điều trị, được xem xét giám định lại thương tật.

Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội và Bộ Y tế hướng dẫn cụ thể việc giám định lại thương tật, giải quyết các khiếu nại, tố cáo về giám định thương tật.

**Điều 33.-** Thương binh, người hưởng chính sách như thương binh không phải là người hưởng lương, hưởng chế độ bảo hiểm xã hội được hưởng phụ cấp khu vực ở nơi cư trú (nếu có).

**Điều 34.-** Thương binh, người hưởng chính sách như thương binh bị mất sức lao động từ 81% trở lên có vết thương đặc biệt nặng như: cụt 2 chi trở lên, mù tuyệt đối 2 mắt, tâm thần nặng, không tự chủ đời sống sinh hoạt, liệt 2 chi trở lên do vết thương tủy sống, vết thương sọ não; phải thường xuyên dùng xe lăn, xe lắc để di chuyển hoặc có tình trạng thương tật đặc biệt khác được phụ cấp thêm hàng tháng mức 48.000 đồng/người.

**Điều 35.-** Thương binh, người hưởng chính sách như thương binh mất sức lao động do thương tật từ 81% trở lên điều dưỡng ở gia đình nếu được Ủy ban Nhân dân xã, phường đề nghị và Hội đồng Giám định y khoa chỉ định cần người phục vụ được phụ cấp hàng tháng cho người phục vụ mức 96.000 đồng/tháng.

Riêng những thương binh, người hưởng chính sách như thương binh có vết thương đặc biệt nặng quy định tại Điều 34 Nghị định này điều dưỡng ở gia đình được phụ cấp hàng tháng cho người phục vụ mức 120.000 đồng/tháng.

**Điều 36.-** Thương binh, người hưởng chính sách như thương binh mất sức lao động từ 81% trở lên do tình trạng thương tật, bệnh tật hoặc do hoàn cảnh đặc biệt không thể về sinh sống với gia đình thì được tổ chức nuôi dưỡng tại các cơ sở của tỉnh, thành phố nơi gia đình cư trú theo hướng dẫn của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội.

**Điều 37.-** Thương binh, người hưởng chính sách như thương binh mất sức lao động từ 81% trở lên do thương tật thương xuyên không ổn định sức khỏe sẽ sút được tổ chức điều trị, điều dưỡng phục hồi.

Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội phối hợp với Bộ Y tế hướng dẫn, chỉ đạo việc xây dựng giường điều trị, giường điều dưỡng hàng năm theo kế hoạch được Chính phủ phê duyệt.

**Điều 38.-** Tùy theo tình trạng thương tật, thương binh, người hưởng chính sách như thương binh được cấp phương tiện giả, phương tiện chuyên dùng và những trang bị, đồ dùng cần thiết phục vụ cho sinh hoạt hàng ngày.

Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội thống nhất với Bộ Tài chính hướng dẫn cụ thể về quy cách, chủng loại, thời gian sử dụng và phương thức cấp phát, thanh quyết toán khoản chi phí cho việc trang cấp nói trên.

**Điều 39.-** Thương binh, người hưởng chính sách như thương binh mất sức lao động do thương tật từ 61% trở lên bị chết vì ốm đau, tai nạn, nếu không phải là người hưởng chế độ bảo hiểm xã hội thì người tổ chức mai táng được cấp tiền lễ tang, chôn cất mức 960.000 đồng và thân nhân được hưởng tiền tuất như sau:

1. Vợ (hoặc chồng), cha mẹ đẻ, người có công nuôi hợp pháp đến tuổi 60 đối với nam, 55 đối với nữ, con chưa đủ 15 tuổi hoặc chưa đủ 18 tuổi nếu còn đi học phổ thông, bị tật nguyên bẩm sinh, bị tàn tật nặng từ nhỏ (bao gồm con đẻ, con nuôi hợp pháp, con ngoài giá thú được pháp luật công nhận, con đẻ mà khi người chồng chết, người vợ đang mang thai) được hưởng tiền tuất hàng tháng mức 48.000 đồng/người.

2. Vợ (hoặc chồng), cha mẹ đẻ, người có công nuôi hợp pháp đến tuổi 60 đối với nam, 55 đối với nữ sống cô đơn, không nơi nương tựa, con chưa đủ 15 tuổi hoặc chưa đủ 18 tuổi nếu còn đi học phổ thông, bị tật nguyên bẩm sinh, bị tàn tật nặng từ nhỏ mà mồ côi cả cha mẹ được hưởng trợ cấp nuôi dưỡng hàng tháng mức 84.000 đồng/người.

3. Trường hợp không có thân nhân hoặc thân nhân không thuộc diện hưởng tiền tuất hàng tháng thì một trong những người thân khác đang đảm nhiệm việc thờ cúng được nhận tiền tuất một lần mức 600.000 đồng.

Kinh phí giải quyết các khoản chi quy định tại Điều này do ngân sách Nhà nước đài thọ.

**Điều 40.-** Bãi bỏ việc xác định thương binh loại B.

Những quân nhân, công an nhân dân được xác nhận là thương binh loại I từ trước ngày 31 tháng 11 năm 1990 nay gọi là quân nhân bị tai nạn lao động và hưởng chế độ do ngân sách Nhà nước đài thọ như sau:

1. Trợ cấp hàng tháng được tính theo mức độ mất sức lao động của từng người và tính trên mức lương quy định là 252.000 đồng. Cụ thể là:



Mức độ mất sức lao động	Mức trợ cấp hàng tháng
- Từ 21% đến 30% sức lao động	20% mức lương quy định = 50.400 đồng
- Từ 31% đến 40% sức lao động	25% mức lương quy định = 63.000 đồng
- Từ 41% đến 50% sức lao động	35% mức lương quy định = 88.200 đồng
- Từ 51% đến 60% sức lao động	40% mức lương quy định = 100.800 đồng
- Từ 61% đến 70% sức lao động	55% mức lương quy định = 138.600 đồng
- Từ 71% đến 80% sức lao động	65% mức lương quy định = 163.800 đồng
- Từ 81% đến 90% sức lao động	80% mức lương quy định = 201.600 đồng
- Từ 91% đến 100% sức lao động	90% mức lương quy định = 226.800 đồng

2. Được hưởng phụ cấp khu vực ở nơi cư trú (nếu có) nếu không phải là người hưởng lương, hưởng chế độ bảo hiểm xã hội.

3. Được tiếp tục hưởng khoản phụ cấp thêm vì có vết thương đặc biệt nặng và phụ cấp cho người phục vụ (nếu có), được xét hưởng chế độ điều dưỡng hàng năm.

4. Các chế độ trang cấp theo tình trạng thương tật, chế độ khám chữa bệnh, giám định vết

thương tái phát, chế độ khi chết do ốm đau, tai nạn thực hiện như quy định đối với quân nhân bị tai nạn lao động.

5. Người khi bị thương có mức lương cao hơn mức lương quy định (312.000 đồng) được trợ cấp thêm một lần một khoản tiền từ 1 đến 3 tháng lương khi bị thương tùy theo mức độ mất sức lao động như sau:

Mức độ mất sức lao động	Mức trợ cấp một lần
- Từ 21% đến 40% sức lao động	1 tháng lương khi bị thương
- Từ 41% đến 60% sức lao động	1,5 tháng lương khi bị thương
- Từ 61% đến 80% sức lao động	2 tháng lương khi bị thương
- Từ 81% đến 100% sức lao động	3 tháng lương khi bị thương

**Điều 41.-** Người bị thương từ ngày 31 tháng 12 năm 1994 trở về trước, thuộc một trong những trường hợp quy định tại Điều 25 của Nghị định này mà chưa được xác nhận là thương binh, người hưởng chính sách như thương binh thì Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội phối hợp với các Bộ, ngành liên quan hướng dẫn thống nhất về hồ sơ, thủ tục xác nhận, thời gian hưởng trợ cấp và giải quyết khoản truy lĩnh (nếu có).

## B. Đối với bệnh binh

**Điều 42.-** Bệnh binh quy định tại Điều 13 của Pháp lệnh là quân nhân, công an nhân dân không đủ điều kiện hưởng chế độ hưu trí, đã bị mắc bệnh một trong các trường hợp sau đây:

1. Do hoạt động ở chiến trường.
2. Do hoạt động ở địa bàn đặc biệt khó khăn gian khổ từ 3 năm trở lên;
3. Do hoạt động ở địa bàn đặc biệt khó khăn gian khổ chưa đủ 3 năm nhưng đã có trên 10 năm phục vụ trong Quân đội nhân dân, Công an nhân dân;
4. Đã công tác trong Quân đội nhân dân, Công an nhân dân đủ 15 năm.

Địa bàn đặc biệt khó khăn gian khổ nói ở Điều này là nơi có phụ cấp lương đặc biệt mức 100%.

## Điều 43.-

1. Quân nhân, công an nhân dân bị mắc bệnh, trước khi xuất ngũ, Hội đồng Giám định y khoa có thẩm quyền kết luận mất sức lao động do bệnh tật từ 61% trở lên được lập hồ sơ xác nhận là bệnh binh.

2. Hồ sơ bệnh binh gồm: Quyết định xác nhận bệnh binh, biên bản giám định y khoa, phiếu cá nhân.

Bộ Quốc phòng, Bộ Nội vụ phối hợp với Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội hướng dẫn cụ thể nội dung hồ sơ, quy định cấp có thẩm quyền ký quyết định xác nhận bệnh binh và cấp giấy chứng nhận bệnh binh.

3. Hồ sơ bệnh binh được chuyển đến các Sở Lao động - Thương binh và Xã hội tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương nơi bệnh binh cư trú để quản lý và thực hiện chế độ ưu đãi.

4. Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội hướng dẫn, kiểm tra việc xác nhận bệnh binh, hướng dẫn việc tổ chức lưu giữ hồ sơ bệnh binh.

1652/150

www.ThuVienPhapLuat.Com Tel: +84-8-3845 6694

**Điều 44.-** Việc giám định sức lao động do bệnh tật đối với bệnh binh thực hiện như quy định tại Điều 28 của Nghị định này.

**Điều 45.-**

1. Bệnh binh được hưởng trợ cấp từ ngày có quyết định xuất ngũ về gia đình.

Mức độ mất sức lao động	Mức trợ cấp hàng tháng
- Từ 61% đến 70% sức lao động	55% mức lương quy định = 138.600 đồng
- Từ 71% đến 80% sức lao động	65% mức lương quy định = 163.800 đồng
- Từ 81% đến 90% sức lao động	80% mức lương quy định = 201.600 đồng
- Từ 91% đến 100% sức lao động	90% mức lương quy định = 226.800 đồng

2. Bệnh binh mất sức lao động từ 61% trở lên đã được xác nhận và hưởng trợ cấp hàng tháng trước ngày 1 tháng 1 năm 1995, thì căn cứ tỷ lệ mất sức lao động do bệnh tật được xác định trong biên bản giám định y khoa lưu tại hồ sơ bệnh binh để chuyển sang hưởng trợ cấp bệnh binh hàng tháng theo quy định tại Khoản 1 Điều này.

3. Những quân nhân hoạt động kháng chiến trước ngày 20 tháng 7 năm 1954 về nghỉ chế độ mất sức lao động theo Nghị định số 500-NB/LB ngày 12-11-1958 của liên Bộ Quốc phòng - Cứu tế xã hội - Tài chính và Nghị định số 523-TTg ngày

Mức độ mất sức lao động	Mức trợ cấp một lần
- Từ 61% đến 80% sức lao động	- 2 tháng lương khi xuất ngũ
- Từ 81% đến 100% sức lao động	- 3 tháng lương khi xuất ngũ

**Điều 48.-** Bệnh binh do bệnh cũ tái phát nặng được giám định lại khả năng lao động, kết luận của Hội đồng Giám định y khoa là căn cứ để quyết định việc hưởng tiếp trợ cấp của bệnh binh.

Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội và Bộ Y tế hướng dẫn cụ thể việc giám định lại sức lao động của bệnh binh, giải quyết các khiếu nại, tố cáo về giám định khả năng lao động.

**Điều 49.-** Bệnh binh được hưởng phụ cấp khu vực ở nơi cư trú (nếu có).

**Điều 50.-** Bệnh binh bị mất sức lao động từ 81% trở lên nếu có tình trạng bệnh tật đặc biệt nặng được phụ cấp thêm hàng tháng; tùy theo tình trạng bệnh tật được cấp phương tiện giả, phương tiện chuyên dùng, những trang bị, đồ dùng cần thiết phục vụ cho sinh hoạt; được phụ cấp hàng tháng cho người phục vụ; được tổ chức

2. Trợ cấp bệnh binh được tính theo mức độ mất sức lao động của từng người và tính trên mức lương quy định là 252.000 đồng.

**Điều 46.-**

1. Bệnh binh được trợ cấp hàng tháng như sau:

6-12-1958 của Thủ tướng Chính phủ và đã được chuyển sang hưởng chế độ bệnh binh hạng 2/3 theo quy định tại Nghị định số 236-HĐBT ngày 18-9-1985 của Hội đồng Bộ trưởng, nay thống nhất tính trợ cấp bệnh binh theo tỷ lệ mất sức lao động là 71%.

**Điều 47.-**

1. Bệnh binh được xác nhận từ ngày 31 tháng 12 năm 1994 trở về trước có mức lương cao hơn mức lương quy định (312.000 đồng) được trợ cấp một lần một khoản tiền tùy theo mức độ mất sức lao động như sau:

nuôi dưỡng; điều trị, điều dưỡng như đối với thương binh được quy định tại các Điều 34, 35, 36, 37, 38 của Nghị định này.

**Điều 51.-** Bệnh binh bị mất sức lao động từ 61% trở lên, chết do bệnh cũ tái phát hoặc chết do ốm đau, tai nạn thì người tổ chức mai táng được cấp khoản tiền lễ tang, chôn cất và thân nhân của người chết được hưởng tiền tuất như quy định đối với thương binh, người hưởng chính sách như thương binh theo quy định tại Điều 39 của Nghị định này.

**Điều 52.-**

1. Bãi bỏ việc xác định bệnh binh hạng 3.

Những quân nhân, công an nhân dân bị mắc bệnh, mất sức lao động từ 41% đến 60%, đã được xác nhận là bệnh binh hạng 3 từ ngày 31 tháng

12 năm 1994 trở về trước nay không gọi là bệnh binh mà là quân nhân bị bệnh nghề nghiệp và được hưởng trợ cấp hàng tháng tính trên mức

lương quy định là 252.000 đồng trong thời gian là 2 năm rưỡi (30 tháng) kể từ ngày 1 tháng 1 năm 1995 do ngân sách Nhà nước đài thọ như sau:

Mức độ mất sức lao động	Mức trợ cấp hàng tháng
- Từ 41% đến 50% sức lao động	35% mức lương quy định = 88.200 đồng
- Từ 51% đến 60% sức lao động	40% mức lương quy định = 100.800 đồng

2. Sau khi hết thời gian hưởng trợ cấp, tùy theo điều kiện sức lao động và thời gian công tác của từng người để xét việc tiếp tục hưởng trợ cấp. Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội hướng dẫn cụ thể quy định này.

Điều 55. -

1. Người hoạt động cách mạng hoặc hoạt động kháng chiến bị địch bắt tù, đày được tặng "Kỷ niệm chương" do Viện Thi đua và Khen thưởng Nhà nước hướng dẫn cụ thể.

2. Người hoạt động cách mạng hoặc hoạt động kháng chiến bị địch bắt tù, đày không xác định được thương tích thực thể được trợ cấp như sau:

a) Được trợ cấp một lần tính theo thời gian bị địch bắt tù, đày ở các nhà tù, cụ thể là:

- Dưới 1 năm được trợ cấp 500.000 đồng.
- Từ 1 năm đến 3 năm được trợ cấp 1.000.000 đồng.
- Từ trên 3 năm đến 5 năm được trợ cấp 1.500.000 đồng.
- Từ trên 5 năm đến 10 năm được trợ cấp 2.000.000 đồng.
- Từ trên 10 năm được trợ cấp 2.500.000 đồng.

b) Khi chết, người tổ chức mai táng được cấp tiền lễ tang, chôn cất mức 960.000 đồng.

Điều 56. - Người hoạt động cách mạng hoặc hoạt động kháng chiến bị địch bắt tù, đày không xác định được thương tích thực thể đã được tiếp nhận hồ sơ, xác nhận là thương binh, người hưởng chính sách như thương binh trước ngày 1 tháng 1 năm 1995 tạm thời vẫn thực hiện chế độ trợ cấp thương tật và các chế độ ưu đãi khác như đối với thương binh, người hưởng chính sách như thương binh quy định tại Nghị định này; không thực hiện việc giám định lại để điều chỉnh tỷ lệ mất sức lao động; khi chết do ốm đau, tai nạn hoặc chết do bệnh cơ thể phát thì người tổ chức mai táng được cấp tiền lễ tang, chôn cất mức 960.000 đồng (không áp dụng chế độ như đối với thương binh chết).

### Mục V. ĐỐI VỚI NGƯỜI HOẠT ĐỘNG CÁCH MẠNG HOẶC HOẠT ĐỘNG KHÁNG CHIẾN BỊ ĐỊCH BẮT TÙ, ĐÀY

Điều 53. - Cơ sở để xét, công nhận người hoạt động cách mạng hoặc hoạt động kháng chiến bị địch bắt tù, đày quy định tại Điều 18 của Pháp lệnh:

1. Tờ khai của người bị địch bắt tù, đày;
2. Lý lịch cán bộ hoặc lý lịch đảng viên (đối với người bị địch bắt tù, đày là cán bộ thoát ly hoặc đảng viên);
3. Xác nhận của Ban liên lạc nhà tù (đối với người bị địch bắt tù, đày là cán bộ không thoát ly hoặc chưa phải là đảng viên).

Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội hướng dẫn cụ thể nội dung hồ sơ, thủ tục về thẩm quyền đề nghị xác nhận.

Điều 54. -

1. Việc xét duyệt hồ sơ và chế độ của người bị địch bắt tù, đày có thương tích thực thể được thực hiện như đối với thương binh, người hưởng chính sách như thương binh quy định tại Nghị định này.

2. Hồ sơ người bị địch bắt tù, đày không xác định được thương tích thực thể do Sở Lao động - Thương binh và Xã hội nơi người bị địch bắt tù, đày cư trú tiếp nhận trình Chủ tịch Ủy ban Nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương ra quyết định công nhận và giải quyết chế độ.

Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội hướng dẫn, kiểm tra việc xác nhận và lưu giữ hồ sơ.

**Mục VI. ĐỐI VỚI NGƯỜI HOẠT ĐỘNG  
KHÁNG CHIẾN GIẢI PHÓNG DÂN TỘC  
BẢO VỆ TỔ QUỐC VÀ  
LÀM NGHĨA VỤ QUỐC TẾ**

**Điều 57.** - Người hoạt động kháng chiến giải phóng dân tộc quy định tại Điều 20 của Pháp lệnh là người tham gia kháng chiến trong thời gian từ ngày 19 tháng 8 năm 1945 đến ngày 30 tháng 4 năm 1975, kể cả cán bộ thoát ly và cán bộ không thoát ly.

**Điều 58.** - Cơ sở để xác nhận người hoạt động kháng chiến giải phóng dân tộc là hồ sơ kê khai để quyết định khen thưởng tổng kết thành tích kháng chiến với hình thức Huân chương, Huy chương chiến thắng hoặc Huân chương, Huy chương kháng chiến (hoặc cả hai hình thức Huân chương, Huy chương nếu có).

Viện Thi đua và Khen thưởng Nhà nước có trách nhiệm hướng dẫn cơ quan Thi đua và Khen thưởng các cấp, các ngành cung cấp hồ sơ xét khen thưởng của từng người cho Sở Lao động - Thương binh và Xã hội tỉnh, thành phố nơi người đó cư trú để xem xét và làm thủ tục trình Chủ tịch Ủy ban Nhân dân tỉnh, thành phố ra quyết định công nhận và giải quyết chế độ.

Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội hướng dẫn, kiểm tra việc xác nhận và lưu giữ hồ sơ.

**Điều 59.** - Người hoạt động kháng chiến quy định tại Điều 57 của Nghị định này đến tuổi 60 đối với nam, 55 đối với nữ được hưởng trợ cấp như sau:

1. Trợ cấp hàng tháng tính theo thời gian hoạt động kháng chiến, cứ mỗi năm hoạt động được trợ cấp bằng 2.400 đồng. Trường hợp thời gian hoạt động kháng chiến có tháng lẻ thì từ 6 tháng trở lên được tính là 1 năm, dưới 6 tháng tính là nửa năm.

2. Người hoạt động kháng chiến có nguyện vọng hưởng trợ cấp một lần thì cứ 1 năm hoạt động kháng chiến được trợ cấp bằng 120.000 đồng.

Căn cứ khả năng của ngân sách và hoàn cảnh, nguyện vọng của từng người, Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội và Bộ Tài chính quy định cụ thể việc hưởng trợ cấp một lần.

3. Khi người hoạt động kháng chiến đang hưởng trợ cấp hàng tháng mà không phải là người hưởng lương, lương hưu, trợ cấp mất sức

dài hạn thì khi chết, người tổ chức mai táng được cấp tiền lễ tang, chôn cất mức 960.000 đồng.

**Mục VII. ĐỐI VỚI NGƯỜI CÓ CÔNG  
GIÚP ĐỠ CÁCH MẠNG**

**Điều 60.** -

1. Người có công giúp đỡ cách mạng quy định tại Điều 22 của Pháp lệnh là người dân đã trực tiếp giúp đỡ cách mạng trước ngày 19 tháng 8 năm 1945 trong lúc khó khăn nguy hiểm, được Nhà nước khen thưởng với các hình thức: "Kỷ niệm chương", "Tổ quốc ghi công" kèm theo "Bằng Có công với nước" hoặc "Bằng Có công với nước".

2. Hồ sơ người có công giúp đỡ cách mạng là tờ khai quá trình hoạt động, thành tích cụ thể của từng người được chính quyền xã, phường nơi cư trú xác nhận kèm theo Kỷ niệm chương "Tổ quốc ghi công" hoặc "Bằng Có công với nước".

Sở Lao động - Thương binh và Xã hội căn cứ hồ sơ trình Chủ tịch Ủy ban Nhân dân tỉnh, thành phố ra quyết định công nhận và giải quyết chế độ ưu đãi.

Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội giúp Chính phủ hướng dẫn, kiểm tra việc xác nhận và lưu giữ hồ sơ.

**Điều 61.** -

1. Người có công giúp đỡ cách mạng quy định tại Điều 60 Nghị định này được trợ cấp hàng tháng mức 72.000 đồng/người; nếu sống cô đơn không nơi nương tựa được hưởng trợ cấp nuôi dưỡng hàng tháng mức 240.000 đồng/người.

2. Người có công giúp đỡ cách mạng trong kháng chiến được Nhà nước tặng thưởng Huân chương kháng chiến, đã được xác nhận từ trước ngày 1 tháng 1 năm 1995 khi đến tuổi 55 đối với nam, 50 đối với nữ hoặc chưa đến tuổi đó nhưng mất sức lao động 61% trở lên được trợ cấp hàng tháng mức 60.000 đồng/tháng; nếu sống cô đơn không nơi nương tựa được hưởng trợ cấp nuôi dưỡng hàng tháng mức 180.000 đồng/người.

3. Người có công giúp đỡ cách mạng đang hưởng trợ cấp nuôi dưỡng khi chết người tổ chức mai táng được cấp tiền lễ tang, chôn cất mức 960.000 đồng.

## Chương III

## NHỮNG CHẾ ĐỘ ƯU ĐÃI KHÁC ĐỂ CHĂM SÓC ĐỜI SỐNG NGƯỜI CÓ CÔNG VỚI CÁCH MẠNG

### Mục I. VỀ CHĂM SÓC SỨC KHỎE

**Điều 62.** - Những người có công với cách mạng sau đây nếu không phải là người hưởng lương, hưởng bảo hiểm xã hội thì được Nhà nước mua thẻ bảo hiểm y tế để khám bệnh, chữa bệnh tại các cơ sở y tế, bệnh viện dân y hoặc bệnh viện quân đội:

1. Người hoạt động cách mạng trước Cách mạng tháng Tám năm 1945;
2. Vợ (hoặc chồng), bố, mẹ đẻ, con của liệt sĩ, người có công nuôi liệt sĩ đang hưởng trợ cấp hàng tháng;
3. Anh hùng Lực lượng vũ trang, Anh hùng Lao động, Bà mẹ Việt Nam anh hùng;
4. Thương binh, người hưởng chính sách như thương binh bị mất sức lao động do thương tật từ 21% trở lên;
5. Bệnh binh bị mất sức lao động do bệnh tật từ 61% trở lên;
6. Người hoạt động cách mạng hoặc hoạt động kháng chiến bị địch bắt tù, đày;
7. Người có công giúp đỡ cách mạng đang hưởng trợ cấp hàng tháng;
8. Người được hưởng trợ cấp phục vụ và con thứ nhất, thứ hai dưới 18 tuổi của thương binh, bệnh binh, bị mất sức lao động từ 81% trở lên.

**Điều 63.** - Mức bảo hiểm y tế hàng tháng của những người có công với cách mạng quy định tại Điều 62 Nghị định này là 3.600 đồng. Bộ Y tế phối hợp với Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội và Bộ Tài chính hướng dẫn cụ thể việc thực hiện.

### Mục II. VỀ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

**Điều 64.** - Học sinh là con liệt sĩ, học sinh là con của thương binh, con của bệnh binh và người hưởng chính sách như thương binh bị mất sức lao động từ 81% trở lên, khi học ở các trường mầm non, tiểu học và phổ thông cơ sở, phổ thông trung học được:

1. Ưu tiên trong tuyển sinh và xét tốt nghiệp;
2. Được trợ cấp mỗi năm học một lần với các mức: 60.000 đồng khi học trường mầm non, 90.000 đồng khi học trường tiểu học, 120.000 đồng khi học ở trường phổ thông cơ sở, phổ thông trung học cho một học sinh để mua sách, vở, đồ dùng học tập;
3. Được miễn các khoản đóng góp xây dựng trường sở;
4. Được miễn nộp học phí.

Học sinh là con của thương binh, con của bệnh binh và người hưởng chính sách như thương binh bị mất sức lao động từ 61% đến 80% nếu học tiểu học và phổ thông cơ sở, phổ thông trung học được miễn nộp học phí;

Học sinh là con của thương binh, con của người hưởng chính sách như thương binh mất sức lao động từ 21% đến 60% được giảm 50% mức nộp học phí.

**Điều 65.** - Anh hùng Lực lượng vũ trang, Anh hùng Lao động; thương binh; người hưởng chính sách như thương binh; con của liệt sĩ; con của thương binh, con của bệnh binh và con của người hưởng chính sách như thương binh bị mất sức lao động từ 81% trở lên, khi học ở các trường đại học, cao đẳng, trung học chuyên nghiệp, dạy nghề, dự bị đại học và trường phổ thông dân tộc nội trú:

1. Được xếp vào nhóm ưu tiên cao trong tuyển chọn, trong việc xét lên lớp, thi kiểm tra ở cuối năm học, chuyển giai đoạn trong đào tạo. Riêng Anh hùng Lực lượng vũ trang, Anh hùng Lao động đi tốt nghiệp phổ thông được nhận thẳng vào hệ chính quy (không phải thi), được xếp vào nhóm ưu tiên cao nhất trong tuyển chọn, chuyển giai đoạn;

2. Được trợ cấp mỗi năm một lần với các mức: 150.000 đồng khi học trường trung học chuyên nghiệp, dạy nghề, dự bị đại học, phổ thông dân tộc nội trú; 180.000 đồng khi học trường cao đẳng và đại học cho một học sinh để mua tài liệu, đồ dùng học tập;

3. Được cấp 50% tiền mua vé xe tháng để đi học từ nơi ở nội trú đến trường (nếu có);

4. Được miễn nộp học phí.

Học sinh, sinh viên là con của thương binh, con của bệnh binh và con của người hưởng chính sách như thương binh bị mất sức lao động từ 61% đến 80% được miễn nộp học phí.

Học sinh, sinh viên là con của thương binh, con của người hưởng chính sách như thương binh

mất sức lao động từ 21% đến 60% được giảm 50% mức nộp học phí.

**Điều 66.** - Trợ cấp xã hội hàng tháng đối với học sinh, sinh viên thuộc diện chính sách ưu đãi đang học ở các trường đào tạo của Nhà nước: đại học, cao đẳng, trung học chuyên nghiệp, dạy nghề, dự bị đại học và trường phổ thông dân tộc nội trú mà không hưởng lương hoặc sinh hoạt phí khi đi học:

1. Mức trợ cấp hàng tháng 150.000 đồng/người cấp cho học sinh, sinh viên là:

- Anh hùng Lực lượng vũ trang, Anh hùng Lao động;

- Thương binh, người hưởng chính sách như thương binh;

- Con của thương binh, con của bệnh binh và con của người hưởng chính sách như thương binh bị mất sức lao động từ 81% trở lên có vết thương, bệnh lý đặc biệt nặng quy định tại Điều 34 và Điều 50 Nghị định này.

2. Mức trợ cấp hàng tháng 120.000 đồng/người cấp cho học sinh, sinh viên là:

- Con liệt sĩ đang hưởng tiền tuất hàng tháng.

- Con của thương binh, con của bệnh binh và con của người hưởng chính sách như thương binh bị mất sức lao động từ 81% trở lên.

3. Mức trợ cấp hàng tháng 100.000 đồng/người cấp cho học sinh, sinh viên là:

- Con của liệt sĩ đang hưởng trợ cấp nuôi dưỡng hàng tháng.

- Con của thương binh, con của bệnh binh và con của người hưởng chính sách như thương binh bị mất sức lao động từ 61% đến 80%.

**Điều 67.** - Ngân sách Nhà nước bảo đảm các khoản cấp, trợ cấp bằng nguồn riêng cho giáo dục và đào tạo để chi trả theo quy định tại các Điều 64, 65, 66 Nghị định này. Bộ Giáo dục và Đào tạo phối hợp với Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội, Bộ Tài chính hướng dẫn, quy định cụ thể nguồn chi trả, phương thức quản lý chặt chẽ việc thực hiện các chế độ ưu đãi quy định tại mục này.

### Mục III. VỀ HỖ TRỢ NGƯỜI CÓ CÔNG VỚI CÁCH MẠNG CẢI THIÊN NHÀ Ở

**Điều 68.** - Người có công với cách mạng quy định tại Điều 1 của Pháp lệnh được giải quyết đất ở hoặc hỗ trợ để có nhà ở tùy theo công lao và

hoàn cảnh cụ thể của từng người, khả năng của Nhà nước và địa phương.

Bộ Xây dựng phối hợp với Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội, Bộ Tài chính, Tổng cục Địa chính hướng dẫn thực hiện cụ thể những ưu đãi về nhà ở, đất ở.

**Điều 69.** - Chủ tịch Ủy ban Nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương có trách nhiệm chỉ đạo các cấp, các ngành, tổ chức kinh tế - xã hội, đơn vị vũ trang nhân dân và mọi người có trách nhiệm tham gia và vận động phong trào xây dựng "Ngôi nhà tình nghĩa" bằng nguồn kinh phí đóng góp của mọi tổ chức và cá nhân trong địa phương và các nguồn khác để góp phần cùng Nhà nước hỗ trợ người có công với cách mạng có hoàn cảnh khó khăn đặc biệt có nơi ở ổn định.

Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức thành viên tham gia và phối hợp phát động, duy trì phong trào xây dựng "Ngôi nhà tình nghĩa".

### Mục IV. VỀ GIẢI QUYẾT VIỆC LÀM, HỖ TRỢ NGƯỜI CÓ CÔNG VỚI CÁCH MẠNG ỔN ĐỊNH ĐỜI SỐNG, PHÁT TRIỂN KINH TẾ GIA ĐÌNH

**Điều 70.** - Người có công với cách mạng được ưu tiên trong giải quyết việc làm, hỗ trợ ổn định đời sống, phát triển kinh tế gia đình như: ưu tiên giao đất, vay vốn của "Quý quốc gia giải quyết việc làm" và từ các nguồn khác với lãi suất thấp để sản xuất; được miễn hoặc giảm các loại thuế; miễn hoặc giảm nghĩa vụ lao động công ích theo quy định của pháp luật.

Bộ Nông nghiệp và Công nghiệp thực phẩm, Bộ Tài chính, Ủy ban Kế hoạch Nhà nước, Tổng cục Địa chính, Ngân hàng Nhà nước Việt Nam theo thẩm quyền phối hợp với Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội hướng dẫn cụ thể việc thực hiện các chế độ ưu đãi quy định tại Điều này.

### Chương IV

### KHEN THƯỞNG, XỬ LÝ VI PHẠM, GIẢI QUYẾT KHIẾU NẠI, TỐ CÁO

**Điều 71.** - Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội căn cứ vào chế độ khen thưởng chung của Nhà nước, phối hợp với Viện Thi đua và Khen

thường Nhà nước hướng dẫn chỉ đạo cụ thể việc xét khen thưởng những tổ chức, cá nhân có thành tích trong việc thực hiện chế độ ưu đãi theo quy định của pháp luật.

#### Điều 72. -

1. Người man khai, giả mạo giấy tờ để được xác nhận là người có công với cách mạng thì bị thu hồi giấy chứng nhận, bồi hoàn số tiền đã lĩnh và tùy theo mức độ vi phạm bị xử phạt hành chính, truy cứu trách nhiệm hình sự theo quy định của pháp luật.

2. Người man khai, giả mạo giấy tờ để được hưởng thêm chế độ ưu đãi (man khai thời gian công tác, tuổi đời, vết thương...) thì tạm đình chỉ việc hưởng chế độ ưu đãi, phải bồi hoàn số tiền đã lĩnh do man khai hoặc giả mạo và xem xét xác định lại cho hưởng theo đúng chế độ quy định của Nghị định này.

3. Người chứng nhận sai sự thật hoặc làm giả giấy tờ cho người khác được cấp Giấy chứng nhận người có công với cách mạng và hưởng chế độ thì tùy theo mức độ vi phạm mà bị xử lý kỷ luật, bị truy cứu trách nhiệm hình sự. Người đã được hưởng sai chế độ phải bồi hoàn số tiền đã lĩnh.

4. Người lợi dụng chức vụ, quyền hạn gây trở ngại hoặc do thiếu trách nhiệm dẫn đến những sai phạm trong việc xác nhận làm thiệt hại đến quyền lợi của người có công với cách mạng thì tùy theo mức độ vi phạm mà bị xử lý kỷ luật, bị truy cứu trách nhiệm hình sự theo quy định của pháp luật.

5. Người vi phạm các quy định về quản lý và sử dụng các nguồn kinh phí dùng cho sự nghiệp chăm sóc người có công với cách mạng hoặc sử dụng không đúng mục đích thì tùy theo mức độ vi phạm mà bị xử lý kỷ luật, truy cứu trách nhiệm hình sự theo quy định của pháp luật.

#### Điều 73. -

1. Người có công với cách mạng đang hưởng chế độ ưu đãi mà phạm tội, bị kết án tù dưới 5 năm thì trong thời gian chấp hành hình phạt tù không được hưởng các chế độ ưu đãi.

2. Người có công với cách mạng đang hưởng chế độ ưu đãi mà phạm tội nghiêm trọng, bị kết án tù từ 5 năm trở lên thì bị thu hồi Giấy chứng nhận và tạm đình chỉ các chế độ ưu đãi đang hưởng kể từ ngày bản án có hiệu lực.

Điều 74. - Việc thu hồi Giấy chứng nhận, tạm đình chỉ, tiếp tục xem xét cho hưởng chế độ ưu đãi hoặc phục hồi chế độ ưu đãi sau khi chấp

hành xong hình phạt tù quy định tại Điều 72, Điều 73 của Nghị định này do cơ quan, đơn vị có thẩm quyền cấp "Giấy chứng nhận" và giải quyết chế độ ưu đãi xem xét, quyết định theo hướng dẫn của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội.

#### Điều 75.-

1. Tổ chức, cá nhân có quyền khiếu nại, tố cáo hành vi vi phạm các quy định của Pháp lệnh Ưu đãi người hoạt động cách mạng, liệt sĩ và gia đình liệt sĩ, thương binh, bệnh binh, người hoạt động kháng chiến, người có công giúp đỡ cách mạng.

2. Các cơ quan Nhà nước khi tiếp nhận đơn thư khiếu nại, tố cáo hành vi vi phạm các quy định của Pháp lệnh và Nghị định này có trách nhiệm giải quyết theo quy định của Pháp lệnh Khiếu nại, tố cáo của công dân.

### Chương IV

## ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

#### Điều 76.-

1. Các khoản trợ cấp, phụ cấp và các khoản chi khác quy định tại Nghị định này đã được tinh ứng với hệ số mức lương viên chức Nhà nước; khi mức lương thay đổi sẽ được điều chỉnh tương ứng.

2. Bộ Quốc phòng, Bộ Nội vụ, Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội chịu trách nhiệm lập dự toán kinh phí hàng năm, thống nhất với Ủy ban Kế hoạch Nhà nước và Bộ Tài chính trình Chính phủ phê duyệt và tổ chức thực hiện chế độ ưu đãi quy định tại Nghị định này đối với các đối tượng thuộc phạm vi ngành đang quản lý.

Điều 77.- Nghị định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 1 tháng 1 năm 1995.

Những quy định trước đây trái với những quy định của Nghị định này đều bãi bỏ.

Điều 78.- Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội phối hợp với các cơ quan có liên quan hướng dẫn cụ thể và tổ chức thực hiện Nghị định này, đồng thời có trách nhiệm chỉ đạo quản lý, kiểm tra việc chấp hành chính sách đối với người có công với cách mạng ở các ngành, các địa phương trong cả nước.

Điều 79.- Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ,

www.ThuVienPhapLuat.com  
Tel: +84-8-3845 6684 \*  
0662150  
LAWSONIT

Chủ tịch Ủy ban Nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương chịu trách nhiệm thi hành Nghị định này; đồng thời theo phạm vi, trách nhiệm và khả năng của mình quy định những ưu đãi khác đối với người có công với cách mạng.

T.M. Chính phủ  
Thủ tướng  
VÕ VĂN KIẾT

## THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ

**QUYẾT ĐỊNH của Thủ tướng Chính phủ số 256-TTg ngày 29-4-1995 về việc thành lập Tổng công ty Giấy Việt Nam.**

### THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ

*Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 30 tháng 9 năm 1992;*

*Nhằm thực hiện Quyết định số 91-TTg ngày 7-3-1994 của Thủ tướng Chính phủ về việc thí điểm thành lập tập đoàn kinh doanh;*

*Xét đề nghị của Bộ trưởng Bộ Công nghiệp nhẹ,*

### QUYẾT ĐỊNH:

**Điều 1.-** Thành lập Tổng công ty Giấy Việt Nam trên cơ sở tổ chức, sắp xếp lại các đơn vị sản xuất, lưu thông, sự nghiệp về ngành Giấy thuộc Bộ Công nghiệp nhẹ và các đơn vị làm nguyên liệu giấy thuộc Bộ Lâm nghiệp và các địa phương.

Tổng công ty Giấy Việt Nam (sau đây gọi tắt là Tổng công ty) là Tổng công ty Nhà nước hoạt động kinh doanh, có tư cách pháp nhân, có các quyền và nghĩa vụ dân sự theo luật định, tự chịu trách nhiệm về toàn bộ hoạt động, kinh doanh trong số vốn do Tổng công ty quản lý; có con dấu, có tài sản và các quỹ tập trung, được mở tài khoản tại Ngân hàng trong nước và nước ngoài theo quy định của Nhà nước, được tổ chức và hoạt động theo Điều lệ Tổng công ty.

Tổng công ty Giấy Việt Nam có tên giao dịch quốc tế là VIETNAM PAPER CORPORATION, viết tắt là VINAPIMEX.

Trụ sở chính của Tổng công ty đặt tại thành phố Hà Nội.

**Điều 2.-** Tổng công ty có nhiệm vụ chính sau đây:

1. Thực hiện nhiệm vụ kinh doanh giấy theo quy hoạch và kế hoạch phát triển ngành Giấy của Nhà nước, bao gồm: xây dựng kế hoạch phát triển, đầu tư, tạo nguồn vốn đầu tư, tổ chức vùng nguyên liệu giấy, sản xuất, tiêu thụ sản phẩm, cung ứng vật tư, thiết bị; xuất nhập khẩu; liên doanh, liên kết với các tổ chức kinh tế trong nước và nước ngoài phù hợp với pháp luật và chính sách của Nhà nước.

2. Nhận và sử dụng có hiệu quả, bảo toàn và phát triển vốn do Nhà nước giao, bao gồm cả phần vốn đầu tư vào doanh nghiệp khác; nhận và sử dụng có hiệu quả tài nguyên đất đai và các nguồn lực khác do Nhà nước giao để thực hiện nhiệm vụ kinh doanh và những nhiệm vụ khác được giao.

3. Tổ chức, quản lý công tác nghiên cứu và ứng dụng tiến bộ khoa học, công nghệ và công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ và công nhân trong Tổng công ty.

**Điều 3.-**

1. Cơ cấu tổ chức Tổng công ty gồm có:

- Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát;
- Tổng Giám đốc và bộ máy giúp việc;
- Các đơn vị thành viên Tổng công ty.

2. Tổ chức và hoạt động của Tổng công ty được quy định cụ thể trong Điều lệ Tổng công ty do Chính phủ ban hành.

**Điều 4.-** Bộ trưởng Bộ Công nghiệp nhẹ sau khi thống nhất với Bộ trưởng, Trưởng ban Ban Tổ chức - Cán bộ Chính phủ trình Thủ tướng Chính phủ quyết định bổ nhiệm Chủ tịch Hội đồng Quản trị, Tổng Giám đốc và các thành viên khác của Hội đồng Quản trị Tổng công ty.

Bộ trưởng Bộ Công nghiệp nhẹ quyết định bổ nhiệm Phó Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng Tổng công ty do Hội đồng Quản trị trình trên cơ sở đề nghị của Tổng Giám đốc Tổng công ty.

**Điều 5.-**

1. Bộ trưởng Bộ Công nghiệp nhẹ chịu trách nhiệm chủ trì, phối hợp với Bộ trưởng Bộ Lâm